

Thực trạng kỹ năng sống của học sinh tiểu học

TS. Trần Hiếu ■

TÓM TẮT:

Qua khảo sát, thu thập số liệu, chúng tôi đã đánh giá được thực trạng và khả năng tiếp nhận sự giáo dục về kỹ năng sống (KNS) của 1800 học sinh (HS) tiểu học thuộc 4 trường tiểu học ở Cần Thơ và Bắc Ninh.

Từ khóa: thực trạng, giáo dục, kỹ năng sống, học sinh tiểu học.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực tiễn giáo dục KNS lồng ghép với thể dục thể thao (TDTT) và giải trí cho HS từ mẫu giáo đến trung học cơ sở và đại học chưa thực hiện ở nước ta theo Thông tư số 04/2014/TT-BGD&ĐT ngày 28/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) ban hành quy định quản lý hoạt động KNS cho HS các trường. Thực tiễn này khiến cho xã hội, các gia đình và bản thân HS phản cảm với môn học TDTT học đường. Nếu môn học này lồng ghép với giải trí và giáo dục KNS chắc sẽ có lợi cho HS, và xã hội nhận thức về môn học thể dục sẽ theo hướng tích cực. Bởi vì, các môn học trong các trường đều phải kết hợp giáo dục KNS cho HS theo thông tư của Bộ GD&ĐT từ tháng 02 năm 2014. Nếu xã hội, gia đình, HS có thiện cảm với

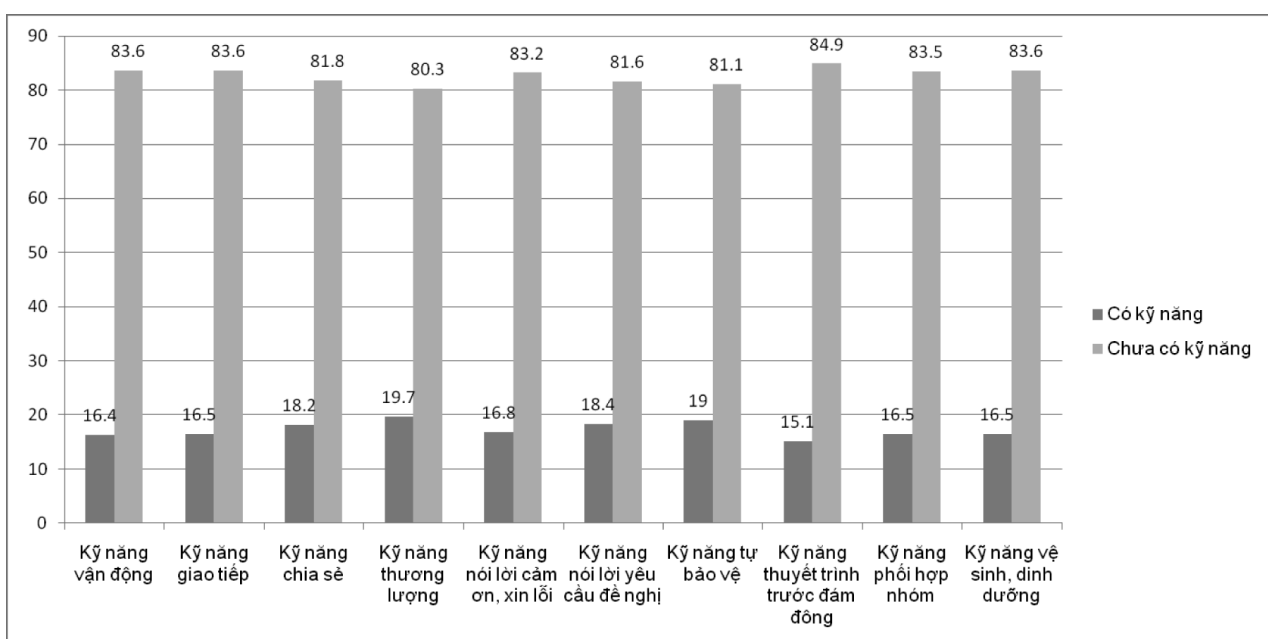
ABSTRACT:

Through survey and data collection, we have evaluated the status and receptivity of life skill education from 1,800 elementary school students at 4 elementary schools in Bac Ninh and Can Tho provinces.

Keywords: status, education, life skill, elementary school students.

môn học TDTT (cả chính khóa và ngoại khóa), chắc chắn tác dụng về thể chất và góp phần nâng cao chiều cao thân thể con người sẽ tích cực hơn. Đây là vấn đề cần giải quyết trong cả lý luận và thực tế.

HS tiểu học do hạn chế về môi trường giáo dục; do đặc điểm tâm sinh lý còn một số hạn chế như: nhút nhát, tự ti và lúng túng khi đứng trước đám đông, chưa có KN hợp tác, làm việc theo nhóm, chưa có kỹ năng (KN) thích ứng, KN giải quyết vấn đề, đặc biệt kiến thức về cuộc sống còn non nớt. Trong khi đó, việc giáo dục KNS cho HS tiểu học còn gặp rất nhiều khó khăn, những chính sách về đầu tư, phát triển, xây dựng môi trường giáo dục...chưa thực sự tốt. Chính bởi vậy, nhiều nhà trường, gia đình và xã hội cần có cách nhìn nhận và thực hiện tốt việc giáo dục KNS



Biểu đồ 1. So sánh KNS của HS tiểu học

Bảng 1. Đánh giá thực trạng KNS của HS tiểu học

Chỉ tiêu đánh giá	KN vận động		KN giao tiếp		KN chia sẻ		KN thương lượng		KN nói lời cảm ơn, xin lỗi		KN nói lời yêu cầu đề nghị		KN tự bảo vệ		KN thuyết trình trước đám đông		KN phối hợp nhóm		KN vệ sinh, dinh dưỡng		Tỷ lệ trung bình					
	Có KN	Chưa có KN	Có KN	Chưa có KN	Có KN	Chưa có KN	Có KN	Chưa có KN	Có KN	Chưa có KN	Có KN	Chưa có KN	Có KN	Chưa có KN	Có KN	Chưa có KN	Có KN	Chưa có KN	Có KN	Chưa có KN	Có KN	Chưa có KN	%			
																								SL	%	SL
Đơn vị																										
Trường TH Đình Bảng 1																										
Lớp 1																										
Nam (n=45)	8	178	37	822	7	156	38	844	9	200	36	800	7	156	38	844	7	156	38	844	7	156	38	844	16.0	84.0
Nữ (n=45)	6	133	39	867	5	156	40	889	7	156	38	844	5	111	40	889	5	111	40	889	5	111	40	889	13.6	86.9
Lớp 2																										
Nam (n=45)	10	222	35	778	8	178	37	822	9	200	36	800	6	133	39	867	6	133	39	867	8	178	37	822	16.4	83.3
Nữ (n=45)	7	156	38	844	6	156	39	867	6	133	39	867	5	111	40	889	5	111	40	889	5	111	40	889	13.8	86.4
Lớp 3																										
Nam (n=45)	10	222	35	778	8	178	37	822	9	200	36	800	11	244	34	756	8	178	37	822	8	178	37	822	18.9	80.9
Nữ (n=45)	8	178	37	822	6	133	39	867	7	156	38	844	7	156	38	844	6	133	39	867	6	133	39	867	15.6	84.4
Lớp 4																										
Nam (n=45)	10	222	35	778	9	200	36	800	10	222	35	778	12	267	33	733	8	178	37	822	10	222	35	778	20.0	80.0
Nữ (n=45)	9	200	36	800	6	133	39	867	9	200	36	800	9	200	36	800	7	156	38	844	8	178	37	822	17.3	82.7
Lớp 5																										
Nam (n=45)	10	222	35	778	9	200	36	800	10	222	35	778	10	222	35	778	10	222	35	778	10	222	35	778	21.1	78.9
Nữ (n=45)	8	178	37	822	6	133	39	867	8	178	37	822	8	178	37	822	8	178	37	822	8	178	37	822	17.6	82.4
Trường TH Đình Bảng 2																										
Lớp 1																										
Nam (n=45)	9	200	36	800	8	178	37	822	9	200	36	800	6	133	39	867	8	178	37	822	7	156	38	844	16.7	83.3
Nữ (n=45)	7	156	38	844	7	156	38	844	6	133	39	867	7	156	38	844	5	111	40	889	5	111	40	889	13.8	86.2
Lớp 2																										
Nam (n=45)	8	178	37	822	7	156	38	844	8	178	37	822	10	222	35	778	7	156	38	844	7	156	38	844	16.9	83.1
Nữ (n=45)	6	133	39	867	7	156	38	844	9	200	36	800	5	111	40	889	7	156	38	844	5	111	40	889	15.3	84.7
Lớp 3																										
Nam (n=45)	9	200	36	800	9	200	36	800	11	244	34	756	11	244	34	756	8	178	37	822	8	178	37	822	20.4	79.6
Nữ (n=45)	6	133	39	867	7	156	38	844	8	178	37	822	10	222	35	778	6	133	39	867	6	133	39	867	16.4	83.6
Lớp 4																										
Nam (n=45)	9	200	36	800	9	200	36	800	10	222	35	778	10	222	35	778	10	222	35	778	10	222	35	778	19.8	80.2
Nữ (n=45)	7	156	38	844	7	156	38	844	8	178	37	822	6	133	39	867	7	156	38	844	6	133	39	867	16.0	84.0
Lớp 5																										
Nam (n=45)	10	222	35	778	10	222	35	778	10	222	35	778	10	222	35	778	10	222	35	778	10	222	35	778	21.5	78.4
Nữ (n=45)	7	156	38	844	8	178	37	822	8	178	37	822	7	156	38	844	9	200	36	800	11	244	34	756	17.8	82.2
Trường TH Vô Trường Toán																										
Lớp 1																										
Nam (n=45)	7	156	38	844	7	156	38	844	7	156	38	844	8	178	37	822	7	156	38	844	8	178	37	822	18.0	82.0
Nữ (n=45)	5	111	40	889	6	133	39	867	6	133	39	867	11	244	34	756	6	133	39	867	6	133	39	867	14.4	85.6

cho HS. Bên cạnh đó, cần có những nghiên cứu cụ thể để đề xuất những biện pháp giáo dục mang tính đặc thù cho việc giáo dục KNS. Đây là yêu cầu cần thiết và khách quan trong sự phát triển. Xuất phát từ các lý do trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu: **“Thực trạng KN sống của HS tiểu học”**.

Quá trình nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp sau: đọc và phân tích tài liệu, phỏng vấn tọa đàm, quan sát sự phạm, kiểm tra sự phạm và toán học thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Hoạt động giáo dục KNS cho HS đã được triển khai ở các cơ sở giáo dục nhưng việc tiếp nhận giáo dục KNS của HS đến đâu trong quá trình thực hiện là một vấn đề cần có sự đánh giá đúng mức. Để phản ánh thực trạng trên, chúng tôi tiến hành khảo sát trên 1800 HS tiểu học về sự tiếp nhận của HS và trên cán bộ quản lý, giáo viên (GV) đánh giá về mức độ nhận thức KNS của HS trong hoạt động giáo dục KNS. Qua khảo sát về thực trạng dạy KNS ở trường tiểu học, chúng tôi tiến hành phỏng vấn các GV, cán bộ quản lý, phụ huynh và HS của 4 trường 4 trường tiểu học ở Cần Thơ và Bắc Ninh. Kết quả đánh giá KNS cho HS tiểu học bằng các tiêu chí đã lựa chọn thông qua phỏng vấn các chuyên gia được trình bày tại biểu đồ 1 và bảng 1.

Kết quả đánh giá thực trạng KNS của HS tiểu học cho thấy: hầu hết các KNS đều được HS tiểu học

nhận thức ở các mức độ khác nhau từ có KN và chưa có KN. Các KNS cơ bản được HS tiểu học nhận thức ở mức đã có. Tuy nhiên, một số KNS cơ bản nhưng khá đông HS vẫn chưa có và một số KN rất quan trọng trong cuộc sống lại được một bộ phận HS chưa nhận thức.

Qua bảng 1 cho thấy: tỷ lệ HS có KN chiếm tỷ lệ trung bình rất thấp đạt khoảng 17.3% (82.7% chưa có KN). Trong đó, đánh giá tỷ lệ theo từng chỉ tiêu về có KN đạt từ 15.1-19.7%. KN có tỷ lệ cao nhất là KN thương lượng (đạt 19.7%), KN thấp nhất là KN thuyết trình trước đám đông (đạt 15.1%).

Kết quả này có thể nói đã phản ánh đúng thực trạng chung của các em HS tiểu học, bởi theo đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, cũng như điều kiện thực tiễn (theo phỏng vấn ở trên, có rất ít các em có điều kiện tham gia các lớp học KNS được đào tạo bài bản ở các trung tâm bên ngoài), do vậy tỷ lệ đánh giá phù hợp với thực tiễn KNS của các em HS hiện nay.

Để đánh giá thực trạng giáo dục KNS của HS tiểu học chúng tôi tiến hành phỏng vấn 141 GV, cán bộ quản lý trường tiểu học đang làm công tác giảng dạy tại các trường đề tài đang nghiên cứu. Kết quả trình bày tại các bảng 2:

Như vậy, qua phỏng vấn cho thấy trong giảng dạy tại các trường tiểu học hiện nay hầu hết đều được giáo dục cho các em những KNS cơ bản, cụ thể 100% các cán bộ GV lựa chọn có giáo dục KNS cho HS tiểu học.

Để tìm hiểu về hình thức giáo dục KNS cho HS có

Bảng 2. Thực trạng dạy KNS cho HS tiểu học

TT	Nội dung	Giáo viên tiểu học (n = 141)			
		Có		Không	
		n	%	n	%
1	Kỹ năng vận động	141	100.0	0	0.0
2	Kỹ năng tự bảo vệ	141	100.0	0	0.0
3	Kỹ năng giao tiếp	141	100.0	0	0.0
4	Kỹ năng phối hợp nhóm	141	100.0	0	0.0
5	Kỹ năng vệ sinh, dinh dưỡng	141	100.0	0	0.0
6	Tất cả các kỹ năng trên	141	100.0	0	0.0

Bảng 3. Thực trạng các hình thức giáo dục KNS cho HS tiểu học

TT	Nội dung	Trường tiểu học (n = 141)			
		Có		Không	
		n	%	n	%
1	Thông qua dạy các môn học	141	100.0	0	0.0
2	Qua các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp	141	100.0	0	0.0
3	Qua sinh hoạt tập thể	141	100.0	0	0.0
4	Qua các hoạt động xã hội	141	100.0	0	0.0
5	Qua các hoạt động ngoại khóa, tập luyện TDTT	141	100.0	0	0.0

Bảng 4. Ưu thế các môn học tích hợp dạy KNS cho HS tiểu học

TT	Nội dung	Giáo viên tiểu học (n = 141)			
		Có		Không	
		n	%	n	%
1	TĐTT	141	100.0	0	0.0
2	Toán, Văn	35	24.8	106	75.2
3	Tiếng việt	25	17.7	116	82.3
4	Tự nhiên - xã hội	38	27.0	103	73.0
5	Nhạc họa	29	20.6	112	79.4
6	Múa				
7	Hát				
8	Thơ				
9	Các môn học khác	34	24.1	107	75.9

thể được hình thành bằng những hình thức nào, chúng tôi tiến hành phỏng vấn cán bộ GV tại bảng 3.

Kết quả phỏng vấn cho thấy 100% các GV đều cho rằng có thể giáo dục KNS cho các em thông qua nhiều hình thức qua các tiêu chí đã được phỏng vấn ở trên. Như vậy có thể khẳng định rằng có rất nhiều hình thức khác nhau để giáo dục KNS cho HS, tuy nhiên cần lựa chọn hình thức nào phù hợp và hiệu quả nhất để kết hợp giáo dục KNS cho HS.

Thực tế có nhiều hình thức, nhiều môn học để lồng ghép dạy KNS cho HS. Trước đây các trường chủ yếu giáo dục KNS thông qua môn học đạo đức hoặc giáo dục công dân. Để tìm hiểu môn học nào chiếm ưu thế trong việc rèn luyện KNS cho HS, chúng tôi tiến hành phỏng vấn cán bộ quản lý, GV về mức độ ưu tiên sử dụng các môn học tích hợp dạy

KNS cho HS tại bảng 4.

Qua kết quả phỏng vấn cho thấy việc rèn luyện KNS cho HS tiểu học thông qua nhiều môn học có tỷ lệ lựa chọn khác nhau. Tuy nhiên, 100% GV, cán bộ quản lý lựa chọn môn TĐTT là môn học rèn luyện KNS chiếm ưu thế nhất. Điều đó đồng nghĩa các nhà quản lý, GV nhận thức, đánh giá cao vai trò, tác dụng của môn học Thể dục đối với việc tích hợp dạy KNS cho HS.

Các nội dung giáo dục KNS được hình thành thông qua việc tích hợp trong giờ học đối với nhận thức của HS khác nhau, tùy theo mức độ nhận thức và thái độ tiếp thu của HS. Để làm rõ vấn đề này chúng tôi tiến hành phỏng vấn GV về vai trò hình thành KNS trong quá trình học tập. Những KNS trong quá trình rèn luyện thông qua tích hợp trong



(Ảnh minh họa)

Bảng 5. Vai trò giáo dục KNS cho HS mẫu giáo và tiểu học

TT	Nội dung giáo dục KNS	Giáo viên tiểu học (n = 141)					
		Rất quan trọng		Quan trọng		Không quan trọng	
		n	%	n	%	n	%
1	Đi, đứng, chạy, nhảy	12	8.5	129	91.5	0	0.0
2	Xếp hàng, tập thể dục	14	9.9	127	90.1	0	0.0
3	Đội hình, đội ngũ	5	3.5	136	96.5	0	0.0
4	Chơi 1 môn thể thao	37	26.2	104	73.8	0	0.0
5	Chơi trò chơi vận động	43	30.5	98	69.5	0	0.0
6	Tập bơi, tập võ	31	22.0	110	78.0	0	0.0
7	Phòng tránh tai nạn	21	14.9	120	85.1	0	0.0
8	Sơ cứu chấn thương nhỏ	27	19.1	114	80.9	0	0.0
9	Xử lý tình huống nguy hiểm	58	41.1	83	58.9	0	0.0
10	Phòng tránh đuối nước	21	14.9	120	85.1	0	0.0
11	Cảnh giác người lạ	31	22.0	110	78.0	0	0.0
12	Tự chủ trong giao tiếp	24	17.0	117	83.0	0	0.0
13	Kính trọng người lớn, thầy cô	8	5.7	133	94.3	0	0.0
14	Tôn trọng, giúp đỡ bạn	12	8.5	129	91.5	0	0.0
15	Đoàn kết, phối hợp nhóm	21	14.9	120	85.1	0	0.0
16	Vệ sinh cá nhân, tự ăn uống.	8	5.7	133	94.3	0	0.0
17	Các kỹ năng thuyết trình trước đám đông	5	3.5	136	96.5	0	0.0

hoạt động TDDT như thế nào được chúng tôi tiến trình bày tại bảng 5.

Kết quả phỏng vấn cho thấy, các GV đều cho rằng các KNS đều rất quan trọng và quan trọng, không có KN nào là không quan trọng đối với HS tiểu học. Tuy nhiên, có sự chênh lệch tỷ lệ lựa chọn giữa các KN về tỷ lệ lựa chọn mức độ rất quan trọng và quan trọng. Đối với HS tiểu học tỷ lệ KNS được đánh giá rất quan trọng rất cao.

3. KẾT LUẬN

Mặc dù việc rèn luyện KNS cho HS tiểu học đã

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Quang Hải, (2008), *Nghiên cứu sự phát triển thể chất của HS một số tỉnh phía Bắc bằng phương pháp quan sát dọc (từ 6 đến 10 tuổi)*.
2. John J.Macionis "Xã hội học", Nxb thống kê, 2004 (tài liệu dịch).
3. Nguyễn Thị Hồng Hạnh (2009), *Biện pháp giáo dục kỹ năng sống cho HS tiểu học trên địa bàn thành phố Thái Nguyên*, Đại học Thái Nguyên, trường Đại học sư phạm (Luận văn thạc sĩ giáo dục học).
4. Hồ Tiểu Minh, "*Lý luận và thực tiễn TDDT vui chơi giải trí*", Nxb Giáo dục đại học, 2004. (tài liệu dịch).
5. Nguyễn Kim Minh (1992), *Tổng quan phát triển thể chất HS Việt Nam đến 2000*, báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài KX 07.06.

Nguồn bài báo: Trích từ đề tài khoa học cấp Bộ: "Xây dựng mô hình tổng hợp phát triển thể thao - giải trí - KNS cho HS mẫu giáo, tiểu học"

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 22/5/2018; ngày phản biện đánh giá: 18/7/2018; ngày chấp nhận đăng: 19/8/2018)